

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **179/2025/HSST**

Ngày: 17/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tô Thanh Tú**

+ Thẩm phán: Ông Lê Quang Chiều

+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Ngọc Lâm

2. Bà Vũ Thị Cự

3. Bà Bạch Thị Kim Loan

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Từ Khánh Duy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 795/2024/HSST ngày 29/11/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Sơn T, sinh năm 1990; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Tập thể Học viện C3, tổ dân phố số B, phường C, quận B, thành phố Hà Nội và nơi ở: P2710 S02.03 Vinhomes S, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (đã chết); Gia đình có 02 con, bị cáo là con thứ nhất; Vợ bị cáo là Ngô Thị L1; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng viên số 23 ngày 10/3/2020 của Đảng ủy Cục C4 Đảng bộ Công an T5; D chỉ bản số 606 ngày 04/12/2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 27/11/2023; Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Xuân Đ – Luật sư thuộc Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H – Có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Anh Hà Hồng H1, sinh năm 1984

Trú tại: Tổ B thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyễn Sơn T đã từng công tác tại Cục C4 (C02) Bộ C5. Đến năm 2020, T ra quân và làm nghề tự do. T đã từng có thời gian làm dịch vụ về hồ sơ thẻ tín dụng, đáo hạn thẻ, cho vay tín chấp... với nhiều ngân hàng nhưng T không phải là nhân viên ngân hàng. Thông qua mối quan hệ xã hội, cuối tháng 12/2022, anh Hà Hồng H1 (có lý lịch nêu trên) quen biết Nguyễn Sơn T và Ngô Thị L1 (sinh năm: 1996, HKTT: thôn M, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội) là vợ T. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân và mua bán tiền điện tử trên sàn giao dịch tiền điện tử B (gọi là tiền ảo), T đã đưa ra thông tin gian dối giới thiệu với anh H1 về việc T đang làm nhân viên tín dụng của Ngân hàng V - chi nhánh Đ2, địa chỉ ở số C Phố H, quận H, thành phố Hà Nội; còn L1 làm nhân viên tín dụng tại Ngân hàng TMCP H3, địa chỉ tại số H phố L, quận Đ, Hà Nội. Tại ngân hàng V - chi nhánh Đ2, T được giao làm thẻ tín dụng, giải ngân, làm hồ sơ vay cho khách hàng có nhu cầu vay cao hơn giá trị tài sản đảm bảo. Để được vay cao hơn, khách hàng phải mua bảo hiểm nhân thọ, mất thêm chi phí giải ngân, chi phí định giá tài sản để đáp ứng yêu cầu vay tiền. Sau đó, T trao đổi với anh H1 về việc có khách hàng muốn vay vốn ngân hàng với mức vay cao hơn. Nếu vay, khách phải đóng một khoản tiền bảo hiểm nhân thọ thì ngân hàng mới giải ngân được. T rủ anh H1 đầu tư tiền cho T để T đóng tiền bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng vay thế chấp tài sản. T hứa hẹn với anh H1, khoảng từ 03 ngày đến 07 ngày sau khi ngân hàng giải ngân cho khách hàng sẽ chuyển lại tiền cho anh H1 kèm theo lợi nhuận từ 1% đến 2% của khoản vay. Do có nhu cầu kiếm thêm thu nhập và tin những thông tin T giới thiệu là thật, anh H1 đồng ý. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 08/3/2023 đến ngày 20/4/2023, anh H1 đã nhiều lần chuyển tiền cho T bằng hình thức chuyển từ tài khoản số 19024531769012 mang tên anh H1 mở tại Ngân hàng T6 đến tài khoản số 95518855555 của T mở tại Ngân hàng M; đến tài khoản số 19027593436019 của T mở tại ngân hàng T6. Tổng số tiền anh H1 đã chuyển cho T là 1.167.000.000 đồng. Sau đó, T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này. Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 08/3/2023, T gọi điện cho anh H1 và đưa ra thông tin với anh H1 có khoản vay thế chấp cần phải nộp bảo hiểm nhân thọ với số tiền là 120 triệu đồng, sau khoảng 08 ngày sẽ giải ngân. Với phương thức mà T đã giới thiệu, anh H1 đóng trước cho khách hàng; sau khi khách hàng được giải ngân sẽ trả lại tiền kèm theo lợi nhuận từ 1% đến 2% khoản vay. Tin Túng, anh H1 đồng ý. Tại quán C6 ở địa chỉ: Số A, phố T, quận H, thành phố Hà Nội, anh H1 đã chuyển 120 triệu đồng từ tài khoản của anh H1 đến tài khoản của T mở tại Ngân hàng M. Sau khi nhận được tiền, T đã dùng số tiền này nạp vào sản phẩm ảo B bị thua và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện: Sau khi nhận tiền của anh H1, T chuyển 70.000.000 đồng đến tài khoản số 1015250691 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Đào Yến N (sinh năm: 2000, ĐKHKTT: số B phố N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên); Chuyển 11.300.000 đồng đến tài khoản số 3215205320536 mở tại Ngân hàng A2 mang tên Lã Bá D1 (sinh năm: 1994, ĐKHKTT: Đội 16, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định) và chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản số 9708814975 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Lê Văn C (sinh năm: 1990, ĐKHKTT: Tổ A, Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

Quá trình điều tra, Lê Văn C trình bày: Khoảng đầu tháng 02/2023, C được một người trên mạng xã hội Facebook nhờ đứng tên mở tài khoản số 9708814975 tại ngân hàng V1. Can đã cung cấp thông tin cá nhân để cho người này mở tài khoản, sau khi mở thành công tài khoản, C không sử dụng mà đưa cho người này sử dụng. C không biết mục đích việc mở và sử dụng tài khoản của người này (C không được hưởng lợi) Can không biết và không giao dịch với Nguyễn Sơn T.

Đối với Đào Yến N, tài liệu điều tra xác định: Tháng 12/2022, N mở tài khoản trên tại ngân hàng V1. Đến khoảng tháng 02/2023, N không sử dụng tài khoản trên. N không biết và không giao dịch với bị can Nguyễn Sơn T.

Đối với Lã Bá D1, cơ quan điều tra đã xác minh hiện không có mặt tại địa phương, không xác định được nơi cư trú nên chưa có căn cứ điều tra, làm rõ.

Lần thứ hai: Ngày 14/3/2023, T gọi điện thoại cho anh H1 nói có một khoản phê duyệt giải ngân tại Ngân hàng V cho khách hàng tên Trương Thị P (sinh năm: 1987, nơi ĐKHKTT: Số A BT1, Tổ dân phố C, phố M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội) với số tiền là 30 tỷ đồng và số tiền bảo hiểm nhân thọ khách hàng cần phải đóng là 500 triệu đồng. T bảo anh H1 có bao nhiêu tiền chuyển cho T, số còn

thiếu T sẽ lo. Tin T nên anh H1 đồng ý và chuyển 267.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 đến tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền, T đã sử dụng 200.000.000 đồng đóng tiền bảo hiểm nhân thọ làm thủ tục đáo hạn và vay tiền cho khách hàng Trương Thị P. Ngày 29/3/2023, T chuyển trả anh H1 200.000.000 đồng; còn lại T chiếm đoạt 67.000.000 đồng để sử dụng mua tiền ảo trên sàn B và chi tiêu cá nhân hết.

Sao kê tài khoản của T thể hiện: Sau khi nhận được tiền của anh H1, T chuyển 200.000.000 đồng đến tài khoản số 137474999 mở tại ngân hàng V AIA 100 VND và chuyển 60.000.000 đồng đến tài khoản số 0111412880 mở tại Ngân hàng D3 mang tên Trương Văn T1 (sinh năm: 1980, ĐKHKT: Số C tổ A, phố T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang).

Tại Cơ quan điều tra, chị Trương Thị Phương trình B1: Năm 2021, chị P có nhu cầu thanh toán khoản vay gói 20 tỷ đồng tại Ngân hàng B3 để chuyển sang vay gói 30 tỷ đồng tại Ngân hàng V. Do biết T làm môi giới, chị P nhờ T làm thủ tục đáo hạn trả tiền vào Ngân hàng B3. Trong thời gian 10 – 12 ngày, T đã làm thủ tục cho chị P vay được số tiền 30 tỷ đồng tại ngân hàng V, chị P nhận đủ số tiền 30 tỷ đồng, đồng thời trả đầy đủ số tiền phí dịch vụ và phí đóng bảo hiểm cho T.

Anh Trương Văn T1 trình bày: Ngày 30/9/2021, anh T1 mở tài khoản trên tại ngân hàng D3, sau đó anh T1 sử dụng một thời gian và bị mất thẻ, anh T1 không nhớ thời gian bị mất thẻ ngân hàng. Anh T1 không biết và không giao dịch với bị can Nguyễn Sơn T.

Lần thứ ba: Ngày 22/3/2023, T gọi điện cho anh H1 trao đổi có khoản bảo hiểm nhân thọ của khách hàng (T không nói thông tin họ tên), khách hàng cần số tiền 50.000.000 đồng để được phê duyệt nhưng khách hàng chưa có tiền để đóng. T bảo anh Hoàng Ú ra cho khách hàng để sau khi hồ sơ của khách hàng được phê duyệt và giải ngân, T sẽ chuyển khoản trả lại cho anh H1 số tiền trên và kèm theo lợi nhuận từ 1% đến 2% khoản vay. Anh Hoàng T2 và chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 mở tại Ngân hàng T6 đến tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền, T đã dùng nạp vào sàn tiền ảo B2 bị thua và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, anh H1 hỏi về số tiền trên, T nói dối anh H1 hồ sơ chưa được giải quyết. Hiện T không trả lại số tiền trên cho anh H1.

Sao kê tài khoản của T xác định: T chuyển 51.000.000 đồng đến tài khoản số 1034845387 mở tại V2 mang tên Trần Văn Đ1 (sinh năm: 1996, nơi ĐKHKT: Khu phố P, khu dân cư T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Khu phố P, khu dân cư T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, xác định: anh Đ1 không cư trú tại địa phương và không xác định được nơi cư trú hiện tại của anh Đ1.

Lần thứ tư: Ngày 28/3/2023, T tiếp tục gọi điện cho anh H1 nói có một khoản bảo hiểm nhân thọ của khách hàng (cũng không nói tên khách hàng); khách hàng đang cần 60.000.000 đồng để được phê duyệt nhưng khách hàng chưa có tiền đóng trước. Cũng với phương thức và thủ đoạn trên, T bảo anh Hoàng Ú trước cho khách, T sẽ chuyển khoản lại số tiền 60.000.000 đồng. Khi giải ngân xong sẽ trả lại tiền kèm lợi nhuận từ 1% đến 2% khoản vay. Anh Hoàng T2 và chuyển 60.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 mở tại Ngân hàng T6 đến tài khoản của T mở tại ngân hàng M. T sử dụng số tiền này nạp vào sàn tiền ảo Binance và bị thua, cùng sử dụng chi tiêu cá nhân. Anh H1 hỏi đòi tiền, T nói dối hồ sơ chưa được giải quyết.

Sao kê số tài khoản của T xác định: Sau khi nhận được tiền từ anh H1, T chuyển 58.000.000 đồng đến tài khoản số 1032622819 mở tại ngân hàng V2 mang tên Nguyễn Xuân A (sinh năm: 1989, Nơi ĐKKHTT: Số G đường C, Khu phố A, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh).

Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Xuân A trình bày: Tháng 3/2023, do có nhu cầu mở thẻ tín dụng với hạn mức 30 triệu đồng đến 60 triệu đồng, anh Xuân A lên mạng xã hội tìm đầu mối làm dịch vụ mở thẻ. Người làm dịch vụ mở thẻ yêu cầu anh Xuân A mở tài khoản tại ngân hàng V1 có lịch sử chi tiêu rõ ràng, để đủ điều kiện mở thẻ. Sau đó, anh Xuân A đã mở tài khoản số 1032622819 và đưa cho người làm dịch vụ này. Sau đó, anh Xuân A không sử dụng số tài khoản trên, anh Xuân A không quen biết và không giao dịch với Nguyễn Sơn T.

Lần thứ năm: Cũng với phương thức và thủ đoạn trên, ngày 30/3/2023, T trao đổi với anh H1 về việc ứng tiền đóng trước cho khách hàng một khoản tiền để phê duyệt giải ngân; sau khi giải ngân, anh H1 sẽ được trả lại tiền kèm lợi nhuận từ 1% đến 2% khoản vay. Anh Hoàng T2 nên trong cùng ngày, anh H1 đã 03 lần chuyển tiền, với tổng số là 160.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 mở tại Ngân hàng T6 đến tài khoản của T mở tại ngân hàng M. Sau đó, T sử dụng tiền để đầu tư tiền ảo trên sàn B và bị thua lỗ hết. T nói dối anh H1 hồ sơ chưa giải ngân.

Sao kê tài khoản của T xác định: Sau khi nhận được tiền của anh H1, T chuyển 145.000.000 đồng đến tài khoản số 19027593436019 của T mở tại ngân hàng T6; chuyển 128.000.000 đồng đến tài khoản số 1026141599 mở tại ngân hàng V1 mang

tên Phùng Thanh H2 (sinh năm: 1971, nơi ĐKKHKT: xã P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) và chuyển 15.900.000 đồng đến tài khoản số 38588888888 mở tại Ngân hàng T7 mang tên Tống Ngọc A1 (sinh năm: 1994, nơi ĐKKHKT: Tổ B P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

Quá trình xác minh, Phùng Thanh H2, Tống Ngọc A1 không có mặt tại địa phương, không xác định được nơi cư trú nên không ghi được lời khai.

Lần thứ sáu: Ngày 06/4/2023, cũng với phương thức trên, T gọi điện cho anh H1 đưa thông tin có khách hàng cần giải ngân số tiền 20 tỷ đồng để mua 07 miếng đất ở tỉnh Quảng Ninh và ngân hàng V chuẩn bị ra phê duyệt giải ngân cho khách, số tiền khách phải đóng Bảo hiểm nhân thọ trước khi ra phê duyệt là 200.000.000 đồng. T bảo anh H1 chuyển 200.000.000 đồng cho T, sau khi khách hàng được giải ngân sẽ trả anh H1 lợi nhuận từ 1% đến 2% khoản vay. Anh Hoàng T2 và chuyển 200.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 mở tại ngân hàng T6 đến tài khoản của T mở tại ngân hàng M. Sau khi nhận tiền, T đã sử dụng để đầu tư tiền ảo trên sàn B và bị thua lỗ hết.

Sao kê tài khoản của T xác định: Sau khi nhận được tiền, T chuyển 150.000.000 đồng đến tài khoản số 19027593436019 của T mở tại ngân hàng T6; sau đó T chuyển số tiền trên đến tài khoản số 1031993943 mở tại V1 mang tên Phạm Văn Đại D2 (sinh năm: 1982, nơi ĐKKHKT: Tổ A, ấp T, huyện X, tỉnh Đồng Nai).

Tại Cơ quan điều tra, anh Phạm Văn Đại D2 trình bày: Năm 2021, anh D2 mở tài khoản trên tại ngân hàng V1. Đến khoảng tháng 11/2022, do không có tiền, anh D2 nhờ một người tên T3 (không xác định được thông tin) bán hộ tài khoản thẻ ATM trên với giá 1.000.000 đồng. anh D2 không biết và không giao dịch với bị can Nguyễn Sơn T.

Lần thứ bảy: Ngày 07/4/2023, do cần tiền để đầu tư tiền ảo trên sàn B, T gọi điện cho anh H1 đưa thông tin có khách hàng vay vốn ngân hàng chuẩn bị ra phê duyệt giải ngân cho khách, số tiền khách phải đóng phí bảo hiểm nhân thọ trước khi ra phê duyệt là 200.000.000 đồng trong thời gian 05 đến 07 ngày. Tin Tùng, anh H1 đã chuyển từ tài khoản của anh H1 mở tại ngân hàng T6 đến tài khoản số 95518855555 mở tại ngân hàng M của T, cụ thể: Ngày 07/4/2023, chuyển 20.000.000 đồng, ngày 08/4/2023, chuyển 50.000.000 đồng và ngày 13/4/2023, chuyển 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã sử dụng tiền để đầu tư tiền ảo trên sàn B, chi tiêu cá nhân và bị thua lỗ hết.

Sao kê tài khoản của T xác định: Sau khi nhận được tiền từ anh H1, T chuyển 50.000.000 đồng đến tài khoản số 0111510185 mở tại D3 mang tên Trương Duy C1 (sinh năm: 1974, nơi ĐKHKT: số E phố P, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên) và chuyển 38.000.000 đồng đến tài khoản số 0111467311 mở tại D3 mang tên Đào Vệ N1 (sinh năm: 1974, nơi ĐKHKT: Tổ H, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Quá trình điều tra, anh Trương Duy C1 trình bày: Năm 2021, anh C1 mở tài khoản trên và sử dụng đến khoảng năm 2022, anh C1 không sử dụng. Anh C1 không biết và không giao dịch với bị can Nguyễn Sơn T.

Xác minh tại phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xác định: Đào Vệ N1, không có mặt tại địa phương. Ngoài ra, xác minh tại địa chỉ số G đường C, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cá nhân Đào Vệ N1 đăng ký mở thẻ ngân hàng, kết quả: Tại địa chỉ trên không có người tên Đào Vệ N1.

Lần thứ tám: Ngày 20/4/2023, do cần tiền để trả nợ và đầu tư tiền ảo T tiếp tục liên hệ với anh H1 và thông báo có 02 khách hàng cần tiền giải ngân và gửi báo cáo định giá tài sản để anh H1 tin chuyển tiền đầu tư B4 để giải ngân khoản vay. T yêu cầu anh H1 chuyển 100.000.000 đồng để vào phí bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng được phê duyệt giải ngân số tiền 18 tỷ đồng của ngân hàng S và 300.000.000 đồng cho khoản giải ngân 25 tỷ đồng tại ngân hàng V, khi giải ngân xong, T sẽ trả lại tiền cho anh H1 kèm lợi nhuận từ 1% đến 2% khoản vay.

Do T gửi báo cáo định giá tài sản và đưa thông tin sắp xong hồ sơ nên anh Hoàng T2 và đồng ý. Ngày 20/4/2023, anh H1 chuyển tổng số tiền là 400.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 mở tại ngân hàng T6 đến tài khoản của T mở tại ngân hàng M. Sau khi nhận được tiền, T chuyển 399.000.000 đồng từ tài khoản của T mở tại ngân hàng M đến tài khoản của T mở tại ngân hàng T6. Sau đó, T chuyển 230.000.000 triệu đồng vào tài khoản số 0359707487 mang tên Ngô Thị L1 (vợ T) mở tại mở tại Ngân hàng M, để trả khoản vay của T với L1 trước đó và sử dụng số tiền còn lại sử dụng để đầu tư tiền ảo trên sàn Binance và chi tiêu cá nhân.

Xác minh tài khoản ngân hàng của T, xác định: Giao dịch chuyển 230.000.000 đồng cho L1 phù hợp với nội dung lời khai của T, ngoài ra T chuyển 120.000.000 đồng đến tài khoản số 1026141599 mở tại ngân hàng V1 mang tên Phùng Thanh H2 (sinh năm: 1971, nơi ĐKHKT: Khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp). Cơ

quan điều tra đã xác minh nhưng H2 vắng mặt tại địa phương, không xác định được nơi cư trú.

Xác minh tại Ngân hàng TMCP V3 chi nhánh Đ2 (V) tại địa chỉ số C Phố H, quận H, thành phố Hà Nội, xác định: Không có nhân viên tên Nguyễn Sơn T (sinh năm: 1990, HKTT: Tập thể Học viện C3, Tổ dân phố số B, phường C, quận B, thành phố Hà Nội).

Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra cho T tải và đăng nhập ứng dụng nhưng do T quên mật khẩu nên không đăng nhập được, không xác định được loại tiền điện tử mà T đã mua, bán trên sàn giao dịch điện tử.

Như vậy, tổng số tiền mà T đã chiếm đoạt của anh H1 là 1.167.000.000 đồng. Ngày 27/3/2023 và ngày 11/4/2023, T đã chuyển khoản trả cho anh H1 số tiền 106.000.000 đồng. Sau đó, anh H1 không thấy T trả tiền nên ngày 18/8/2023, anh H1 làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Hà Nội.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Sơn T khai nhận, mặc dù không phải là cán bộ ngân hàng, nhưng T đã đưa ra thông tin gian dối giới thiệu với anh H1 về bản thân và giới thiệu về khả năng làm được hồ sơ vay để anh H1 tin và chuyển tiền cho T. Sau khi chiếm đoạt tiền của anh H1, T sử dụng cá nhân và mua bán tiền điện tử (Biscoin) trên sàn giao dịch điện tử Binance thông qua ứng dụng Binance trên điện thoại di động. T tham gia và lập tài khoản trên ứng dụng, chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng mở tại Việt Nam. Do đầu tư trên sàn giao dịch điện tử bị thua lỗ nên tháng 5/2023, T đã xóa tài khoản, hiện T không nhớ tên và mật khẩu đăng nhập. Đối với hình ảnh tài liệu là báo cáo định giá tài sản của ngân hàng V mà T chuyển cho anh H1, do trước đó T khai có làm cộng tác viên nên T có sẵn file hình ảnh, để anh Hoàng T2, T đã chuyển cho anh H1, thực tế không có thông tin khách hàng như T giới thiệu.

Quá trình điều tra, Ngô Thị L1 (vợ T) trình bày phù hợp với lời khai của T, đối với số tiền 230 triệu đồng Lý nhận của T vào ngày 20/4/2023, L1 chuyển 200 triệu đồng cho Lê Như Q (sinh năm: 1991, nơi ĐKKHKT: P302 D1 phường T, quận T, thành phố Hà Nội) để trả cho Q vì Q đã chuyển tiền nhờ L1 làm thủ tục vay tiền ngân hàng nhưng không thực hiện được nên L1 trả lại. Tại Cơ quan điều tra, Lê Như Q khai phù hợp với Ngô Thị L1.

Đối với Ngô Thị L1, tài liệu điều tra xác định L1 không biết, không tham gia bàn bạc và không hưởng lợi nên không đủ cơ sở kết luận L1 đồng phạm với Nguyễn Sơn T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Phạm Văn Đại D2, Lê Văn C, Nguyễn Xuân A đã có hành vi mở thẻ ngân hàng đứng tên mình, sau đó anh D2 đã bán cho người khác để hưởng lợi 01 triệu đồng, anh C và anh Xuân A không sử dụng tài khoản mà chuyển cho cá nhân khác sử dụng đã vi phạm điểm a Khoản 5 Điều 26 Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Do hành vi xảy ra vào tháng 11/2022, tháng 02/2023 và tháng 3/2023, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt hành chính nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại cáo trạng số **763/CT-VKSHN-P3** ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo: **Nguyễn Sơn T** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội cũng như vai trò của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Sơn T từ 12 đến 13 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh Hà Hồng H1 số tiền 1.061.000.000 đồng.

Người bị hại: không có ý kiến gì về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo. Anh không đồng ý nhận số tiền 100.000.000 đồng mà gia đình bị cáo bồi thường thay cho bị cáo vì số tiền đó quá ít.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố về tội danh cũng như về khung hình phạt, tuy nhiên chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có người có công với Cách mạng. Tại phiên tòa gia đình bị cáo cũng đã mong muốn trả cho anh H1 số tiền 100.000.000 đồng, mặc dù người bị hại không nhận nhưng đề nghị vẫn ghi nhận cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm

b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng : Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin lỗi người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ đã có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù Nguyễn Sơn T không là cán bộ ngân hàng TMCP V3 – Chi nhánh Đ2 nhưng do cần tiền để chi tiêu cá nhân và mua bán đồng tiền ảo trên sàn giao dịch điện tử B, T đã đưa ra thông tin gian dối, giới thiệu với anh Hà Hồng H1 về bản thân T là cán bộ ngân hàng, T có khả năng làm các thủ tục giải ngân, hồ sơ vay với giá trị cao hơn thực tế; đưa ra các thông tin gian dối về việc có các khách hàng cần vay tiền. Tuy nhiên, muốn vay được tiền, cần có khoản tiền nộp mua bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng vay; T hứa hẹn với anh H1 từ 03 ngày đến 07 ngày sau khi ngân hàng giải ngân cho khách hàng T sẽ chuyển lại tiền cho anh H1 kèm theo lợi nhuận từ 1% đến 2% của khoản vay. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 08/3/2023 đến ngày 20/4/2023, anh H1 đã tin và nhiều lần chuyển tiền cho Nguyễn Sơn T và bị T chiếm đoạt, tổng số là 1.167.000.000 đồng. T đã trả cho anh H1 số tiền 106.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt 1.061.000.000 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*”.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã tác động gia đình có nguyện vọng được bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho người bị hại nhưng người bị hại không nhận nhưng cũng đánh giá ý thức muốn khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Gia đình bị cáo có ông nội là cụ Nguyễn Văn T4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba theo Lệnh số 42 ngày 03/8/1961 của C7; bà nội là cụ Phạm Thị C2 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất theo Quyết định số 210 ngày 27/3/1998 của Chủ tịch nước; Bố đẻ là ông Nguyễn Văn L được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất trong lực lượng Công an nhân dân theo Quyết định số 1389 ngày 21/12/2006 và Huy chương vì an ninh Tổ quốc theo Quyết định số 577 ngày 21/6/2007 của Chủ tịch nước. Bị cáo có mẹ đã mất, bố bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo vừa mới kết hôn chưa có con nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không nghề nghiệp và thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Hà Hồng H1 số tiền 1.061.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sơn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Sơn T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2023.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Hà Hồng H1 số tiền 1.061.000.000 (một tỷ không trăm sáu mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho người được thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 48.830.000 (Bốn mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, Cục THADS TP Hà Nội.
- Trại tạm giam số 01- CATP Hà Nội.
- Bị cáo.
- Người BH
- UBND nơi bị cáo cư trú
- Lưu HS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

